

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP
LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Số: 05/2026/CBTT-HĐQT

No: 05/2026/CBTT-HĐQT

V/v CBTT Thông báo kết quả kiểm toán

*Re: Information Disclosure regarding the Audited
Financial Statements Results*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

Ho Chi Minh City, February 13, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission of Vietnam;
 - The Vietnam Exchange;
 - The Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Name of organization: **LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: LIX

Stock code: LIX

- Địa chỉ: Số 3 đường số 2, Khu phố 28, Phường Linh Xuân, TP. HCM, VN

Address: No.3, Street no. 02, Quarter 28, Linh Xuan Ward, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ: 028.38966803

Telephone: 028.38966803

2. Nội dung thông tin công bố:

Contents of disclosure:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 12/02/2026, Công ty Cổ phần Bột giặt Lix nhận được Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Bột giặt Lix số 06/TB-KTNN ngày 05/01/2026 của Kiểm toán nhà nước.

Nay Công ty xin trân trọng thông báo toàn văn Thông báo nêu trên.

At 02:00 PM on February 12, 2026, Lix Detergent Joint Stock Company received the Notice of Audit Results at Lix Detergent Joint Stock Company No. 06/TB-KTNN dated January 05, 2026 issued by the State Audit Office of Vietnam.

The Company hereby respectfully announces the full text of the above-mentioned Notice.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/02/2026 tại đường dẫn www.lixco.com.

This information was published on the website of Lix Detergent Joint Stock Company on February 13, 2026, at the following link: www.lixco.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Đại diện tổ chức

Người Ủy quyền Công bố Thông tin

Representative of the organization

Persons Authorized to Disclose Information



Lê Đình Vỹ

Le Dinh Vy

Tài liệu đính kèm/ Attached document:

- Thông báo Kết quả kiểm toán số 06/TB-KTNN ngày 05/01/2026
- Notice of Audit Results No. 06/TB-KTNN dated January 05, 2026.

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /TB-KTNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CTY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Số:

ĐẾN Ngày: 17^h 12/2/2026

Chuyển:

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt Lix

Thực hiện Quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/8/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổ kiểm toán số 2 thuộc Đoàn Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán tại Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (Công ty) từ ngày 23/9/2025 đến ngày 15/10/2025.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 15 tháng 10 năm 2025. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị.

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính

(Chi tiết báo cáo, số liệu tài chính được kiểm toán theo các Phụ lục đính kèm).

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

- Trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix: Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng; thực hiện kiểm soát nội bộ mà Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính: Theo ý kiến của Tổ kiểm toán, ngoại trừ sự ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán; những hạn chế, tồn tại nêu tại Báo cáo kiểm toán, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix lập ngày 20/02/2025 đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời

điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

2.1. Đánh giá chung

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và các văn bản pháp quy có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động, các Luật Thuế, Luật Kế toán và các luật khác có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực; thực hiện quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các văn bản, quy chế do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và Hội đồng quản trị công ty ban hành.

Kết quả kiểm toán chọn mẫu cho thấy năm 2024, công tác quản lý tài chính, kế toán, vốn, tiền, tài sản nhà nước của Công ty như sau:

- Công ty đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; cuối năm, thành lập Hội đồng kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản và thực hiện gửi thư (lập biên bản) đối chiếu, xác nhận công nợ, xác nhận số dư tiền gửi với ngân hàng làm cơ sở để lập Báo cáo tài chính. Các khoản nợ phải thu, phải trả đã được hạch toán, theo dõi chi tiết từng đối tượng. Hàng tồn kho được mở sổ kế toán được theo dõi, hạch toán nhập xuất chi tiết theo từng mã. Tài sản cố định (TSCĐ) được mở sổ theo dõi chi tiết cho từng tài sản và trích khấu hao theo quy định.

- Quỹ lương thực hiện năm 2024 của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột giặt Lix thông qua tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 11/3/2025 và được Tập đoàn hóa chất Việt Nam có ý kiến chấp thuận gửi Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Bột giặt Lix tại văn bản số 294/HCVN-TCNS ngày 05/3/2025. Công ty thực hiện trích quỹ lương để thanh toán cho người lao động theo quy chế trả lương.

- Việc tuân thủ định mức sản xuất, định mức hao hụt vật tư trong sản xuất sản phẩm, quản lý, hạch toán giá thành sản xuất kinh doanh: Năm 2024, Công ty đã mở sổ theo dõi, hạch toán và tập hợp chi phí, tính giá thành sản xuất theo từng loại sản phẩm, đồng thời Công ty đã ban hành định mức sản xuất cho từng loại sản phẩm sản xuất ra làm cơ sở quản lý tiêu hao vật tư, nguyên liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc quản lý nợ, duy trì và đảm bảo khả năng thanh toán: Công ty đã mở sổ theo dõi, hạch toán chi tiết công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng. Cuối năm thực hiện đối chiếu công nợ theo quy định. Số dư nợ tại 31/12/2024 là nợ luân chuyển, không phát sinh nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Việc tuân thủ pháp luật về thương mại: Công ty xây dựng giá bán sản phẩm trên cơ sở giá thị trường của các sản phẩm cùng loại, được áp dụng thống

nhất cho các nhóm Khách hàng truyền thống. Đối với giá bán sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm bán tại các hệ thống siêu thị, Công ty xác định giá bán trên cơ sở giá thị trường và thỏa thuận hợp tác giữa hai bên. Chính sách giá được ban hành đầy đủ và được thể hiện trong các phụ lục hợp đồng. Các chương trình khuyến mại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ kế toán, quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước của Công ty còn một số hạn chế, tồn tại, được trình bày cụ thể tại mục 2.2 và các Phụ lục kèm theo.

2.2. Những hạn chế tồn tại

2.2.1. Quản lý tài chính, kế toán

(1) Quản lý chi phí

Công ty còn tồn tại trong việc hạch toán phân bổ chi phí mua bảo hiểm sức khỏe chưa phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, trích trước chi phí chưa đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014...như đã nêu tại phần số liệu, qua kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí bán hàng 126 triệu đồng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 1.430 triệu đồng.

(2) Quản lý thuế và các khoản phải nộp NSNN

Công ty còn tồn tại trong việc kê khai các khoản thuế phải nộp NSNN, qua kiểm toán điều chỉnh tăng nghĩa vụ nộp NSNN, số tiền 1.510.459.026 đồng, bao gồm:

- Tăng thuế GTGT do Công ty xác định giá tính thuế không đúng theo quy định tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 81 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, số tiền 321.247.872 đồng.

- Tăng thuế TNDN phải nộp do tăng tương ứng với điều chỉnh tăng kết quả kinh doanh và loại trừ chi phí tính thuế TNDN đối với khoản chi trả cho người lao động không được ghi cụ thể Điều kiện được hưởng và mức được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2.6 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC, số tiền 1.189.211.154 đồng.

- Tài sản thuế TNDN hoãn lại giảm 89.514.759 đồng do khoản chi phí trích trước chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2.2.2. Quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

Quản lý đầu tư tài chính: Chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix còn tồn đọng khoản đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH Xalivico 55.000 triệu đồng. Nội dung liên quan đến khoản đầu tư, góp vốn này đã được đánh giá và kiến nghị xử lý tại Báo cáo kiểm toán kỳ trước, đến nay vẫn chưa hoàn

thành kiến nghị.

3. Việc quản lý, sử dụng, đất đai; sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

3.1. Việc quản lý và sử dụng đất đai

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Bột giặt LIX đang quản lý và sử dụng 5 khu đất với tổng diện tích là 105.676 m² bao gồm 02 khu đất tại TP HCM, 01 khu đất tại Hà Nội, 01 khu đất tại Bắc Ninh và một căn hộ chung cư tại TPHCM các khu đất trên dùng để làm văn phòng và nhà máy phục vụ sản xuất kinh doanh. Trong đó tổng diện tích đất thuê của nhà nước là: 104.184,1 m² (đất làm trụ sở văn phòng là 1.812,5 m²; đất phục vụ sản xuất kinh doanh là 102.371,6 m²)¹; đất nhận chuyển nhượng của tư nhân là 1.491,9 m².

a. Về tình trạng pháp lý của cơ sở nhà, đất:

- Nhà, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Căn hộ chung cư tại địa chỉ LD 02.05 Lô số 6, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường Bình Trưng, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Diện tích đất đã hết hạn sử dụng đất theo GCNQSDĐ đồng thời hết hạn hợp đồng thuê đất nhưng chưa được gia hạn sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Đất đai 2024, cụ thể: Diện tích đất tại trụ sở Công ty, địa chỉ số 3 đường số 2, khu phố 28, phường Linh Xuân, TPHCM (diện tích 22.006,3 m², thời hạn sử dụng đất đến 12/2020). Công ty đã nộp hồ sơ xin gia hạn thuê đất và đang chờ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án xin gia hạn thời gian thuê đất.

b. Về thực trạng sử dụng đất (theo báo cáo của đơn vị)

- Khu đất tại số 233-233B Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội có diện tích là 11.777,8 m². Khu đất này đã được kiểm toán đánh giá toàn diện và kiến nghị xử lý tại Báo cáo kiểm toán Chuyên đề “Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hoá chất Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Tổng công ty Lương thực Miền Nam giai đoạn 2010 - 2016”. Đến thời điểm kiểm toán, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 v.v thu hồi 11.777,8m² tại số 233,233B, 235 đường Nguyễn Trãi phường

¹ Khu đất tại 233 - 233B Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội (diện tích 11.777,8 m²); Nhà, đất tại địa chỉ số 3 đường số 2, khu phố 28, phường Linh Xuân, TP. HCM (diện tích 22.006,3 m²); Căn hộ chung cư tại LD 02.05 Lô số 6, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường Bình Trưng, Thành Phố Hồ Chí Minh (diện tích 115,74 m²); Nhà, đất tại A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, phường Bình Dương, TPHCM (diện tích 50.400 m²); Nhà, đất tại Lô II – 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh (diện tích 20.000 m²).

² Nhà, đất tại địa chỉ số 3 đường số 2, khu phố 28, phường Linh Xuân TP. HCM)

Khuong Đình, thành phố Hà Nội giao Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco, Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh bất động sản Thăng Long và Công ty TNHH Xalivico để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị tại số 233, 233B và 235 đường Nguyễn Trãi, phường Khuong Đình, thành phố Hà Nội – Vinhomes Smart City.

- Các thửa đất còn lại Công ty cổ phần Bột giặt Lix thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng mục đích cấp phép sử dụng và Luật đất đai.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất

Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty Cổ phần Bột giặt Lix đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thông báo của cơ quan thuế địa phương. Tổng số tiền thuế phải nộp trong năm 2024 là 5.395 triệu đồng.

3.2. Việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP

- Việc lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà đất của Công ty CP Bột giặt Lix đang quản lý, sử dụng để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP): Công ty Cổ phần Bột giặt Lix đã lập báo cáo kê khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (báo cáo kê khai) gửi cấp trên (Vinachem) tổng hợp (theo Mẫu số 01 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP).

4. Việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/TT-BTC ngày 15/12/2015 của BTC hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty đã lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2024 gửi báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp năm 2024 báo cáo Tập đoàn theo quy định (Báo cáo tình hình tài chính và kết quả SXKD năm 2024; Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng các quỹ; Báo cáo tình hình vốn và kết quả SXKD tại các công ty con; Báo cáo tình hình vốn đầu tư dự án; Báo cáo tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB năm 2024; Báo cáo tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính năm 2024; Tình hình SXKD và tình hình tài chính năm 2024; Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2024; Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024; Đánh

giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp năm 2024)

Về giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động: Theo báo cáo, Công ty đã tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2024 và trình Tập đoàn (Xếp loại doanh nghiệp đăng ký loại A; Kết quả hoạt động của người quản lý đăng ký hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ).

Về công khai thông tin tài chính: Công ty đã thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định (Hội nghị Tổng kết công tác năm 2024 và Hội nghị người lao động năm 2025 ngày 22/3/2025).

Định kỳ quý, năm Công ty đã lập, gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu tài chính trình Tập đoàn. Năm 2024 Tập đoàn đã có quyết định về xếp loại doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần Bột giặt Lix, kết quả xếp loại doanh nghiệp đạt loại A (QĐ 301/QĐ-HCVN ngày 07/8/2025).

5. Việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Theo báo cáo, người đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty đã thực hiện báo cáo định kỳ, đầy đủ về tình hình SXKD, quản lý vốn, công nợ, công khai tài chính. Vốn chủ sở hữu năm 2024 tăng từ 882.335 triệu đồng lên 936.963 triệu đồng (Theo số sau Kiểm toán là 937.242 triệu đồng), đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn nhà nước.

Công ty triển khai nghiêm Quyết định 129/QĐ-HCVN ngày 23/4/2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và các văn bản chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gắn trách nhiệm của người đại diện vốn trong chỉ đạo điều hành.

6. Việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Theo báo cáo, năm 2024 Công ty đã thực hiện công khai minh bạch trong quản lý tài chính, mua sắm vật tư, đầu tư xây dựng, báo cáo định kỳ trên bảng tin nội bộ theo đúng quy định, đã ban hành kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm. Công ty đã triển khai các vấn đề trọng tâm như nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ công nhân viên về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng các chỉ tiêu thực hành tiết kiệm chống lãng phí làm tiêu chí đánh giá công tác thi đua khen thưởng.

Kết quả theo báo cáo năm 2024 Công ty đã tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu 3.300 triệu đồng, tiết kiệm thêm 3% so với kế hoạch đề ra; tiết kiệm chi phí nhiên liệu, năng lượng 1.680 triệu đồng, tiết kiệm thêm 12% so với kế hoạch đề ra; áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được 4.260 triệu đồng, tiết kiệm thêm 22% so với kế hoạch đề ra. Trong năm không phát sinh hành vi tham nhũng, không có vụ việc xử lý kỷ luật liên quan đến tham nhũng trong năm.

7. Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn,

tiền và tài sản nhà nước

7.1. Đánh giá chung

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 là 2.876.943 trđ, tăng 76.384 trđ so với năm 2023, tỷ lệ tăng 2,7%.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 sau kiểm toán là 258.110 triệu đồng, tăng 12.067 triệu đồng so với năm 2023, tương ứng 4,9%.

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán nợ:

+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả): 3 lần

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 2 lần

7.2. Những hạn chế, tồn tại

7.2.1. Quản lý hàng tồn kho

Tại 31/12/2024, Công ty vẫn còn tồn một số vật tư tồn kho (từ năm 2023 trở về trước) chậm luân chuyển, không có biến động trong năm chủ yếu là bao bì và chất thơm, tại Thủ Đức là 836 triệu đồng, Chi nhánh Bình Dương là 521,8 triệu đồng, Chi nhánh Bắc Ninh là 180 triệu đồng. Theo báo cáo của đơn vị, đến thời điểm kiểm toán số vật tư này đã được xuất sử dụng hoặc có kế hoạch sử dụng.

7.2.2. Việc mua sắm vật tư

Tổng Giám đốc Công ty đã có Tờ trình số 32/TTr-BTGD ngày 02/11/2023 v/v phê duyệt danh sách Nhà cung cấp năm 2024 đối với các nguyên vật liệu có giá trị chiếm khoảng 80% trong tổng giá trị mua hàng và được Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách nhà cung cấp năm 2024 tại Quyết định số 31/2023/QĐ-HĐQT ngày 13/11/2023. Quá trình mua hàng, Công ty thực hiện theo Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix được ban hành kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2021. Tuy nhiên, Công ty chưa mở rộng tham khảo giá của các nhà cung cấp tiềm năng và các nhà cung cấp khác trong danh sách được phê duyệt mà mới chỉ tham khảo giá của các nhà cung cấp truyền thống.

7.2.3. Quản lý bán hàng

- Công ty đã ban hành quy trình xuất kho thành phẩm theo Quy trình chất lượng QT 8.5.4.2 trong Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Thực tế, khi xuất kho thành phẩm đã có việc kiểm soát chéo giữa hai thủ kho khác nhau về lượng hàng xuất kho. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về biện pháp kiểm soát chéo giữa các bộ phận có trách nhiệm liên quan trong Công ty để hạn chế rủi ro.

- Công ty cũng đã ban hành Quy trình quản lý an ninh trong đó có quy định về việc kiểm soát xe ra vào Công ty. Thực tế, bảo vệ công ty đã thực hiện việc ghi sổ theo dõi các xe vận chuyển thành phẩm xuất kho: biển số xe, tên lái xe, số hóa đơn và các thông tin về khối lượng, chủng loại hàng hóa ghi trên hóa đơn. Tuy nhiên chưa quy định cụ thể về các nội dung cần theo dõi nêu trên trong quy

trình đề tăng cường công tác quản lý.

7.3. Thực trạng tài chính, việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước

Năm 2024, xét về tổng thể hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty Cổ phần Bột giặt Lix

Đề nghị Công ty Cổ phần Bột giặt Lix tổ chức thực hiện các kiến nghị sau:

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tài chính năm 2024 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

- Nộp vào NSNN số tiền thuế qua kiểm toán phát hiện tăng thêm 1.510.459.026 đồng, bao gồm:

+ Thuế Giá trị gia tăng: 321.247.872 đồng;

+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 1.189.211.154 đồng.

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

Công ty Cổ phần Bột giặt Lix thực hiện chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác hạch toán kế toán, việc quản lý vốn, tiền, tài sản nhà nước... đã được chỉ ra qua kiểm toán, trong đó tập trung vào các nội dung:

- Bổ sung quy định cụ thể về biện pháp kiểm soát chéo trong Quy trình chất lượng QT 8.5.4.2 và các nội dung cần theo dõi trong Quy trình quản lý an ninh để tăng cường công tác quản lý thành phẩm xuất kho;

- Tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại các cuộc kiểm toán trước đối với nội dung đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico theo đúng quy định, đảm bảo an toàn, hiệu quả vốn đầu tư và vốn vay;

- Hoàn thành đầy đủ thủ tục pháp lý đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Kiến nghị tư vấn

Xem xét mở rộng tham khảo giá của các nhà cung cấp tiềm năng và các nhà cung cấp khác để tăng tính cạnh tranh, hiệu quả trong công tác lựa chọn nhà cung cấp.

2. Đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn chỉ đạo thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Bột giặt Lix: Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã nêu tại Thông báo kiểm toán này và báo cáo kết quả thực hiện về Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hòa, Hà Nội trước ngày 30./6./2026. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà

nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/TBKQKT kèm theo.

Thông báo này gồm 09 trang, từ trang 01 đến trang 09 và các Phụ lục số 01-TBKQKT; số 02-TBKQKT; số 02a-TBKQKT; số 05-TBKQKT; số 06-TBKQKT; số 06a-TBKQKT và là bộ phận không tách rời của Thông báo này./. *thl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- KTNN chuyên ngành VI;
- Lưu: VT, ĐKT, Tổ Kiểm toán.

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KT.KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI
PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Sơn

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số /KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế, hải quan xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*”.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Bột giặt Lix

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Bột giặt Lix

Đơn vị tính: Đồng					
STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Thuế GTGT		321.247.872		
1	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix – CN tại Bắc Ninh	0301444263 - 003	321.247.872	Do đơn vị xác định giá tính thuế không đúng theo quy định tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 81 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	
II	Thuế TNDN		1.189.211.154		
1	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	0301444263	450.354.264	Do kết quả kiểm toán thay đổi	
2	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix – CN tại Bình Dương	0301444263-002	606.022.004	Do kết quả kiểm toán thay đổi	
3	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix – CN tại Bắc Ninh	0301444263-003	132.834.886	Do kết quả kiểm toán thay đổi	
	Tổng cộng		1.510.459.026		

1. KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	918.555.014.948	918.555.014.948	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	373.276.791.759	373.276.791.759	-
1. Tiền	111	33.276.791.759	33.276.791.759	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	340.000.000.000	340.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	212.002.209.044	212.002.209.044	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	203.195.441.893	203.195.441.893	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.337.080.978	4.337.080.978	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.469.686.173	4.469.686.173	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	230.963.578.690	230.963.578.690	-
1. Hàng tồn kho	141	230.963.578.690	230.963.578.690	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	102.312.435.455	102.312.435.455	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.132.455.234	2.132.455.234	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	96.644.863.821	96.644.863.821	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.535.116.400	3.535.116.400	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	477.913.397.800	479.254.473.682	1.341.075.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	415.503.443.604	415.503.443.604	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	377.663.023.777	377.663.023.777	-
- Nguyên giá	222	824.004.016.667	824.004.016.667	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(446.340.992.890)	(446.340.992.890)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	37.840.419.827	37.840.419.827	-
- Nguyên giá	228	54.389.873.118	54.389.873.118	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(16.549.453.291)	(16.549.453.291)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-

- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.003.258.609	2.003.258.609	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.003.258.609	2.003.258.609	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	55.000.000.000	55.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	55.000.000.000	55.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	-	-	-
5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	255	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	5.406.695.587	6.747.771.469	1.341.075.882
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.636.220.642	4.066.811.283	1.430.590.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.770.474.945	2.680.960.186	(89.514.759)
3. Thiết bị, VPTT thay thế dài hạn	263	-	-	-
4. Lợi thế thương mại	268	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	270	1.396.468.412.748	1.397.809.488.630	1.341.075.882
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	459.504.526.410	460.567.411.640	1.062.885.230
I. Nợ ngắn hạn	310	451.098.988.008	452.161.873.238	1.062.885.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	208.700.968.604	208.700.968.604	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	31.450.677.114	31.450.677.114	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	28.180.192.628	29.690.651.654	1.510.459.026
4. Phải trả người lao động	314	54.585.554.155	54.585.554.155	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13.852.374.726	13.404.800.930	(447.573.796)
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	45.340.088.072	45.340.088.072	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	55.000.000.000	55.000.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13.989.132.709	13.989.132.709	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324	-	-	-
II. Nợ dài hạn	330	8.405.538.402	8.405.538.402	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	8.405.538.402	8.405.538.402	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	936.963.886.338	937.242.076.990	278.190.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	936.963.886.338	937.242.076.990	278.190.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	648.000.000.000	648.000.000.000	-
- Vốn góp của chủ sở hữu	411a	648.000.000.000	648.000.000.000	-
	411b	-	-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	97.441.219.809	97.441.219.809	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	191.522.666.529	191.800.857.181	278.190.652
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a	22.408.799.178	22.408.799.178	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	169.113.867.351	169.392.058.003	278.190.652
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 +	440	1.396.468.412.748	1.397.809.488.630	1.341.075.882

* Nguyên nhân chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG

1 Chi phí trả trước dài hạn tăng	1.341.075.882 đ
- Phân bổ lại chi phí mua bảo hiểm sức khỏe theo thời hạn trên hợp đồng bảo hiểm theo Khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	1.430.590.641 đ
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại giảm	89.514.759 đ
- Do khoản trích trước chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 làm giảm chênh lệch tạm thời được khấu trừ, dẫn đến giảm tài sản thuế TNDN hoãn lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.	89.514.759 đ

NGUỒN VỐN TĂNG

1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	1.341.075.882 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).	1.510.459.026 đ
- Giải thích tại biểu thuế.	1.189.211.154 đ
2 Chi phí phải trả ngắn hạn giảm	321.247.872 đ
- Đơn vị trích trước chi phí chưa đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	447.573.796 đ
3 LNST chưa phân phối kỳ này tăng	447.573.796 đ
* Tăng:	278.190.652 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi.	278.190.652 đ

2. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	O1	3.009.025.905.833	3.009.025.905.833	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	O2	132.082.441.759	132.082.441.759	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	2.876.943.464.074	2.876.943.464.074	-
4. Giá vốn hàng bán	11	2.260.576.913.731	2.260.576.913.731	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-	20	616.366.550.343	616.366.550.343	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.109.439.471	15.109.439.471	-
7. Chi phí tài chính	22	6.048.418.505	6.048.418.505	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	3.860.547.942	3.860.547.942	-

8. Chi phí bán hàng	24	206.147.893.413	206.021.567.489	(126.325.924)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	163.251.323.930	161.820.733.289	(1.430.590.641)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-	30	256.028.353.966	257.585.270.531	1.556.916.565
11. Thu nhập khác	31	790.060.560	790.060.560	-
12. Chi phí khác	32	264.735.427	264.735.427	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	525.325.133	525.325.133	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	256.553.679.099	258.110.595.664	1.556.916.565
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	55.631.660.056	56.820.871.210	1.189.211.154
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(591.848.308)	(502.333.549)	89.514.759
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	201.513.867.351	201.792.058.003	278.190.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.793	2.793	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

1 Chi phí bán hàng giảm	126.325.924 đ
* Tăng:	321.247.872 đ
- Do đơn vị xác định giá tính thuế không đúng theo quy định tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 81 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	321.247.872 đ
* Giảm:	447.573.796 đ
- Đơn vị trích trước chi phí chưa đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	447.573.796 đ
2 Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	1.430.590.641 đ
- Phân bổ lại chi phí mua bảo hiểm sức khỏe theo thời hạn trên hợp đồng bảo hiểm theo Khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.	1.430.590.641 đ
3 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	1.189.211.154 đ
- Do doanh thu, chi phí thay đổi.	1.189.211.154 đ
4 Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng	89.514.759 đ
- Do khoản trích trước chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 làm giảm chênh lệch tạm thời được khấu trừ, dẫn đến giảm tài sản thuế TNDN hoãn lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.	89.514.759 đ
5 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng	278.190.652 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	278.190.652 đ

3. KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN 31/12/2024

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	3.535.116.400	3.535.116.400	-
1. Thuế GTGT	-	-	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	3.535.116.400	3.535.116.400	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II. Các khoản phải thu khác	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-

2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	3.535.116.400	3.535.116.400	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.770.474.945	2.680.960.186	(89.514.759)

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC GIẢM

1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại giảm 89.514.759 đ

- Do khoản trích trước chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 làm giảm chênh lệch tạm thời được khấu trừ, dẫn đến giảm tài sản thuế TNDN hoãn lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

89.514.759 đ

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	28.180.192.628	29.690.651.654	1.510.459.026
1.Thuế GTGT	3.951.476.631	4.272.724.503	321.247.872
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.743.383.712	21.932.594.866	1.189.211.154
5.Thuế thu nhập cá nhân	50.423.897	50.423.897	-
6.Thuế tài nguyên	-	-	-
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	1.844.685	1.844.685	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.433.063.703	3.433.063.703	-
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	28.180.192.628	29.690.651.654	1.510.459.026
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG

1.510.459.026 đ

1 Thuế giá trị gia tăng tăng 321.247.872 đ

- Do đơn vị xác định giá tính thuế không đúng theo quy định tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 81 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

321.247.872 đ

2 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 1.189.211.154 đ

* Tăng:

1.278.725.913 đ

- Loại trừ chi phí tính thuế TNDN đối với khoản chi trả cho người lao động do không được ghi cụ thể Điều kiện được hưởng và mức được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2.6 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC.

967.342.600 đ

- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận tăng TNDN).

311.383.313 đ

* Giảm:

89.514.759 đ

- Do đơn vị đã tự loại trừ chi phí trích trước khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2024.

89.514.759 đ

STT	Đơn vị sử dụng	Địa chỉ lô đất	Mục đích sử dụng đất tại phương án sử dụng đất được duyệt	Hiện trạng sử dụng đất (m2)										Hình thức sử dụng đất				Hiện trạng pháp lý (nếu có đánh)		Nghĩa vụ NS về đất	
				Tổng diện tích	Trong đó								Đất giao		Đất thuê						
					Trụ sở, văn phòng	SXKD dịch vụ	SXKD khác	Làm nhà ở CB, CNV	Cho thuê, mướn	Bị lấn chiếm/chíếm dung/tranh chấp	Sử dụng khác	Chưa sử dụng	Có thu tiền sử dụng	Không thu tiền sử dụng	Trả tiền một lần	Trả tiền nhiều lần	Có HSPL (m2)	Không có HSPL (m2)	Số tiền đã nộp năm 2024 ĐVT: Trđ	Ghi chú	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
1	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX																				
1	Công ty CP Bột giặt Lix	Số 3, đường số 2, Khu phố 4, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TPHCM		23.498,2	1.080,1	22.418,1							22.006,3				23.498,2		4.414.287.729		
2	Công ty CP Bột giặt Lix	233 Nguyễn Trãi, P. Thương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội		11.777,8		11.777,8							11.777,8				11.777,8		952.103.839		
3	Chi nhánh công ty CP Bột giặt Lix tại Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương		50.400	372,4	50.027,6						4.437			50.400		50.400		28.488.600		
4	Công ty CP Bột giặt Lix - Chi nhánh tại Bắc Ninh	Lô II-1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh		20.000	360	19.640						3.794			20.000		20.000				
II	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì			105.676													105.676		5.394.880.168		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ

STT	Đơn vị	Tổng số cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Số cơ sở nhà đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại NĐ 167 và NĐ 67	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai hiện trạng	Số cơ sở nhà, đất đã lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất	Số cơ sở nhà, đất đã gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh	Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công ty CP Bột giặt Lix	4	4	4	2	1	1	-	
	Tổng cộng	4	4	4	2	1	1	-	

Ghi chú: Đối với 02 Cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 233 & 233B đường Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội của Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội và Công ty cổ phần Bột giặt Lix, Tập đoàn HCVN có Văn bản số 942/HCVN-HĐTV ngày 18/7/2022 báo cáo UBQLVNN tại DN, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về cơ sở nhà, đất này